

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2026/DS - ST.

Ngày: 28 - 4 - 2026.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phụng.

2. Ông Lê Hồng Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cảnh Nha – Thư Ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLST - DS, ngày 12 tháng 01 năm 2026 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2026/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1); địa chỉ trụ sở: Lầu A, 266 – 268 đường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Lầu A, 266 – 268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn B – chức vụ: Chuyên viên Thu hồi nợ và Thanh lý tài sản của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) theo giấy ủy quyền số 1699/2024/UQ-TT.XLN ngày 25/9/2024; địa chỉ liên lạc: Lầu A, số 43,45,47 Đường N, Phường S, TP . (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã A, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 27/09/2024 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn B trình bày:

Ngày 10/05/2022, bà Nguyễn Thị Kim C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị

cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 45.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Kim C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 289.134.563 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị Kim C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 246.520.841 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Kim C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Kim C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 48.886.124 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà Nguyễn Thị Kim C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Chi T số tiền còn thiếu tính đến ngày 28/4/2026 là 105.671.372 đồng. Trong đó gốc: 48.886.124 đồng, lãi quá hạn: 56.785.248 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Kim C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 28/4/2026 với số tiền gốc là: 48.886.124 đồng, lãi quá hạn: 56.785.248 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng khác nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp vì bà C đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3

Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho họ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 48.886.124 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/4/2026 là lãi quá hạn: 56.785.248 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bà Nguyễn Thị Kim Chi T xong số nợ gốc cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Chi T số tiền nợ đã thực hiện giao dịch mà bà Nguyễn Thị Kim C ký kết tại hợp đồng thẻ tín dụng ngày 10/5/2022. Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C cư trú tại ấp Đ, xã A, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho việc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C có vay tiền, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/5/2022, điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng đều có chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C ở mục chữ ký và họ tên của chủ thẻ

chính và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã ký; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà C biết nhưng bà C không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà C đã được Ngân hàng cấp thẻ với hạn mức là 45.000.000 đồng và bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 289.134.563 đồng. Theo lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp thể hiện sau khi vay bà C đã trả cho Ngân hàng được số tiền là 246.520.841 đồng, lần cuối cùng trả vào ngày 05/6/2023. Do đó, việc bà C không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 23, Điều 24 và Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà các bên đã ký kết, bà C là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu thu hồi nợ và buộc bị đơn bà C phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc còn lại là 48.886.124 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 10/05/2022 giữa Ngân hàng và bà C đã giao kết mức lãi suất là lãi suất 2,48%/tháng. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, áp dụng nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (cụ thể là: $2,48\% \times 150\% = 3,72\%$) nên bà C phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà C hoàn trả tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng từ ngày 06/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/4/2026 với số tiền là 56.785.248 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 29/4/2026 đến khi bị đơn bà C chi trả xong số nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền vốn gốc là 48.886.124 đồng, tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/4/2026 là 56.785.248 đồng, tổng số tiền là 105.671.372 đồng và bà C còn phải trả lãi cho nguyên đơn tiền lãi phát

sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 29/4/2026 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[6]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà C phải chịu 5.283.569 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-NHNN, ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền vay gốc 48.886.124 đồng (bốn mươi tám triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng), tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/4/2026 là 56.785.248 đồng (năm mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), tổng số tiền là 105.671.372 đồng (một trăm lẻ năm triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp

đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Kim C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 5.283.569 đồng (năm triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 1.737.831 đồng (một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0067302, ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Phòng Thi hành án khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Chi cục THADS khu vực 2 -Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Cần Thơ;
- TAND Thành phố Cần Thơ
- (P. TTr, KT&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh